

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán	1 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.585.936.323.897	2.333.633.807.895
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	9.796.315.500	56.034.799.891
1.	Tiền	111		9.796.315.500	56.034.799.891
2.	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1.	Đầu tư ngắn hạn	121			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.007.350.706.854	834.754.803.458
1.	Phải thu khách hàng	131	III.2	202.030.895.409	278.952.784.181
2.	Trả trước cho người bán	132	III.3	184.960.683.355	314.669.475.602
3.	Các khoản phải thu khác	135	III.4	620.359.128.090	241.132.543.675
IV.	Hàng tồn kho	140	III.5	1.562.894.886.167	1.439.566.411.787
1.	Hàng tồn kho	141		1.562.894.886.167	1.439.566.411.787
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.894.415.376	3.277.792.759
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		539.044.527	2.097.816.405
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.750.434.390	
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	III.6	1.604.936.459	1.179.976.354

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

DVT: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.771.571.030.244	5.535.815.025.221
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.765.684.759.146	1.603.536.093.195
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	III.2	1.765.684.759.146	1.603.536.093.195
II.	Tài sản cố định	210		68.835.245.196	72.471.576.596
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	III.7	37.302.086.755	41.500.271.868
	Nguyên giá	222		74.295.292.324	74.239.292.324
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.993.205.569)	(32.739.020.456)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	III.8	1.178.053.434	1.607.674.980
	Nguyên giá	228		4.296.215.505	4.296.215.505
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.118.162.071)	(2.688.540.525)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		30.355.105.007	29.363.629.748
III.	Bất động sản đầu tư	240		28.107.302.561	29.244.952.477
	Nguyên giá	241		31.988.974.722	31.988.974.722
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.881.672.161)	(2.744.022.245)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.886.490.171.168	3.813.806.878.395
1.	Đầu tư vào công ty con	251	III.9	1.541.220.371.461	1.541.051.371.461
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	III.10	138.252.000.000	141.252.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	III.11	2.207.017.799.707	2.131.503.506.934
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V.	Lợi thế thương mại	260			
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		22.453.552.173	16.755.524.558
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271		21.030.850.393	14.332.822.778
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272			
3.	Tài sản dài hạn khác	278		1.422.701.780	2.422.701.780
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.357.507.354.141	7.869.448.833.116

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

DVT: VNĐ

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.517.088.113.265	2.033.928.656.981
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.692.673.445.872	1.240.470.237.454
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	III.13	297.119.889.644	515.899.363.340
2.	Phải trả người bán	312		163.288.318.086	120.746.582.651
3.	Người mua trả tiền trước	313	III.14	7.603.537.271	11.869.444.641
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.15	53.512.352.043	52.382.679.728
5.	Phải trả người lao động	315		866.665.803	355.234.553
6.	Chi phí phải trả	316		30.869.465.189	78.592.491.530
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	III.16	1.139.413.217.836	460.546.271.011
II.	Nợ dài hạn	320		824.414.667.393	793.458.419.527
1.	Phải trả dài hạn khác	333		9.667.327.389	10.792.772.653
2.	Vay và nợ dài hạn	334	III.17	707.731.406.615	674.599.941.624
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		106.535.143.615	107.500.034.550
4.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		480.789.774	565.670.700
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	III.18	5.840.419.240.876	5.835.520.176.135
I.	Vốn chủ sở hữu	410		5.840.341.070.876	5.835.520.176.135
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.451.518.800.000	3.425.625.650.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1.199.551.333.511	1.883.491.883.511
3.	Cổ phiếu quỹ	414		(8.053.570.000)	(8.020.280.000)
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.500.000.000	1.500.000.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		195.824.507.365	532.922.922.624
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		78.170.000	78.170.000
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		78.170.000	78.170.000
C-	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.357.507.354.141	7.869.448.833.116

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài			
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			
5.	Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



TP. Hồ Chí Minh, ngày 03/02/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THAY VẤN MẸ

Trang 4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VNĐ

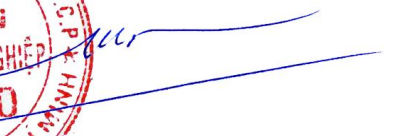
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.1	11.462.953.898	118.506.569.974	19.066.286.227	187.484.454.995
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	3			519.920.710		25.103.321.426
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10	IV.1	11.462.953.898	117.986.649.264	19.066.286.227	162.381.133.569
4.	Giá vốn hàng bán	11		11.292.948.761	40.832.307.698	12.837.440.688	45.952.107.685
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv	20		170.005.137	77.154.341.566	6.228.845.539	116.429.025.884
6.	Doanh thu hoạt động TC (*)	21	IV.2	16.746.409.351	3.314.594.222	31.786.848.010	3.604.973.402
7.	Chi phí tài chính	22	IV.3	730.925.096	4.958.722.827	4.652.685.568	10.523.893.244
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		730.925.096	4.084.437.781	4.652.685.568	8.933.872.141
8.	Chi phí bán hàng	24		2.019.936		2.019.936	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.203.404.215	24.135.103.099	28.607.884.143	34.856.338.498
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		980.065.241	51.375.109.862	4.753.103.902	74.653.767.544
11.	Thu nhập khác	31		86.015.839	564.458.321	101.526.839	1.569.573.647
12.	Chi phí khác	32		6.000	163.926	446.000	163.926
13.	Lợi nhuận khác	40		86.009.839	564.294.395	101.080.839	1.569.409.721
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50					
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		1.066.075.080	57.417.048.699	4.854.184.741	76.223.177.265
15.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp h.hành	61		646.123.879	13.955.893.306	964.890.935	14.590.229.401
15.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		(646.123.879)	(1.220.707.992)	(964.890.935)	4.215.899.165
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		1.066.075.080	39.204.218.943	4.854.184.741	57.417.048.699
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số						
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ						
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

(*) Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm khoản tiền lãi trả chậm của hoạt động cho thuê đất và nhà xưởng phát sinh trong kỳ và cô tức được chia từ các công ty liên doanh liên kết.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012


TRẦN THỊ THỦY TIÊN
 Kế toán trưởng




THÁI VĂN MẾN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	1		4.854.184.741	76.223.177.265
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
	Khấu hao tài sản cố định	2	III.8,III.9	5.821.456.575	4.714.899.658
	Các khoản dự phòng	3	IV.4		(3.600.000.000)
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	IV.3,IV.4	(30.483.552.000)	(1.032.423.000)
	Chi phí lãi vay	6	IV.4	4.652.685.568	8.933.872.141
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(15.155.225.116)	85.239.526.064
	Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(338.919.963.842)	129.381.766.466
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(123.328.474.380)	(184.440.035.553)
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		668.967.391.915	67.943.765.496
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.139.255.737)	(996.442.404)
	Tiền lãi vay đã trả	13		(4.652.685.568)	(8.933.872.141)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(6.658.034.585)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(84.880.926)	(64.884.551)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		181.686.906.346	8.147.178.8792
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ các tài sản dài hạn khác	21		(47.475.259)	4.217.503.209
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.514.292.773)	(4.981.582.492)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		2.831.000.000	(214.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	IV.3	30.483.552.000	1.032.423.000
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(42.247.216.032)	54.343.717

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	III.18		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		(30.166.000)	(5.000.000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	III.15, III.20	47.935.000.000	183.307.422.727
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	III.15, III.20	(233.583.008.705)	(270.380.731.561)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(185.678.174.705)	(87.078.308.834)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(46.238.484.391)	(5.552.176.325)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	III.1	56.034.799.891	51.362.321.876
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	III.1	9.796.315.500	45.810.145.551

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012



TRẦN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng



THAI VAN MÊN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 đã được điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền tập điện tử, truy cập từ xa; dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau; cung cấp dịch vụ truy nhập internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (ISP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật); các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty, được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các Công ty con.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc (giá gốc là giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại) và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại được xác định như sau:

Giá gốc của đất và cơ sở hạ tầng chưa bán	- Bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác phát sinh để đưa các lô đất và hạ tầng liên quan vào sử dụng. Giá gốc của đất và hạ tầng liên quan chưa bán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	--

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán

vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

7. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

8. Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

9. *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

10. *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí hội đủ điều kiện để vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay áp dụng cho các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản dở dang.

11. *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. *Trích lập trợ cấp mất việc làm*

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

13. *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (đồng Việt Nam) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

14. *Cổ phiếu ngân quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình

thường của Công ty khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác, v.v....

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng

Doanh thu cho thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu khi tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên đi thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

17. Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

VNĐ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	66.833.278	130.354.224
Tiền gửi ngân hàng	9.729.482.222	55.904.445.667
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>9.796.315.500</u>	<u>56.034.799.891</u>

2. Phải thu của khách hàng

VNĐ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	202.030.895.409	278.952.784.181
Dài hạn	1.765.684.759.146	1.603.536.093.195
Cộng	<u>1.967.715.654.555</u>	<u>1.882.488.877.376</u>

3. Trả trước cho người bán

VNĐ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	1.090.000.000	
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	183.870.683.355	314.669.475.602
Cộng	<u>184.960.683.355</u>	<u>314.669.475.602</u>

4. Các khoản phải thu khác

VNĐ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ các bên liên quan	102.628.134.414	24.124.612.613
Phải thu khác	517.730.993.676	217.007.931.062
Cộng	<u>620.359.128.090</u>	<u>241.132.543.675</u>

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện giá trị đầu tư theo giá gốc của các lô đất KCN chưa bán (bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng phát sinh trong quá trình phát triển các KCN) và các chi phí xây dựng dở dang của các khu đất chưa hoàn thành trong các KCN và khu đô thị E.City đang trong giai đoạn triển khai.

6. Tài sản ngắn hạn khác

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.594.936.459	1.169.976.354
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>1.604.936.459</u>	<u>1.179.976.354</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VNĐ

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, DC quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.353.001.209	4.806.411.472	18.853.578.126	2.226.301.517	74.239.292.324
Mua trong kỳ		56.000.000			56.000.000
XDCB hoàn thành					
Giảm khác					
Số cuối kỳ	48.353.001.209	4.862.411.472	18.853.578.126	2.226.301.517	74.295.292.324
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.595.470.230	2.918.671.488	10.940.680.717	2.284.198.021	32.739.020.456
Khấu hao trong kỳ	2.412.896.664	387.155.904	1.405.677.762	48.454.783	4.254.185.113
Giảm khác					
Số cuối kỳ	19.008.366.894	3.305.827.392	12.346.358.479	2.332.652.804	36.993.205.569
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.757.530.979	1,887,739,984	7.912.897.409	57,896,504	41.500.271.868
Số cuối kỳ	29,344,634,315	1,556,584,080	6,507,219,647	106,351,287	37,302,086,755

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	TS vô hình khác	Tổng
Nguyên giá			
Số đầu năm		4.296.215.505	4.296.215.505
Mua trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		4.296.215.505	4.296.215.505
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		2.688.540.525	2.688.540.525
Khấu hao trong kỳ		429.621.546	429.621.546
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		3.118.162.071	3.118.162.071
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		1.607.674.980	1.607.674.980
Số cuối kỳ		1.178.053.434	1.178.053.434

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

9. Đầu tư vào công ty con

VNĐ

Tên Công ty	Tỷ lệ tham gia (%)	Giá trị đầu tư cuối kỳ
Công ty CP Đầu Tư Tân Đức	94	1.225.600.000.000
Công ty TNHH Khai Thác DV KD VP NX Tân Tạo (Taserco)	100	200.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tân Tạo 276	51	105.032.000.000
Công ty cổ phần Bầu Trời Tân Tạo Mê Kông	51	5.472.000.000
Công ty Cổ phần Khai Thác & Phát triển Kho Vận Tân Tạo (itatrans)	90	5.110.371.461
Công Ty CP ĐT KD Đô Thị Tân Tạo Mê Kông	51	9.000.000
Tổng		1.541.220.371.461

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 5003000109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại.

Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo GCNĐKKD số 4104000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001. Hoạt động chính của Công ty là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, nhà ở.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103008558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 11 năm 2007. Hoạt động chính của Công ty này là xây dựng và quản lý các khu phức hợp văn phòng, căn hộ cao cấp và trung tâm thương mại, và cung cấp các dịch vụ phụ trợ như dịch vụ xử lý rác.

Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103010071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2009. Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ.

Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103000408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của Công ty này là giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan.

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Đô Thị Tân Tạo Mê Kông là công ty cổ phần, được thành lập theo GCNĐKKD số 4103010034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty này là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

10. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty đã đầu tư vào các công ty liên kết để thực hiện đầu tư các dự án mà Công ty có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Công ty với tỷ lệ lợi ích như sau:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>%</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>%</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>sở hữu</i>	<i>VNĐ</i>	<i>sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	138.252.000.000	40	141.252.000.000	40
TỔNG CỘNG	<u>138.252.000.000</u>		<u>141.252.000.000</u>	

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Tân Tạo được thành lập theo GCNĐKKD số 4103000413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty này là xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư, tư vấn thương mại và đầu tư. Đây là công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

11. Đầu tư dài hạn khác

Là những khoản góp vốn vào các đơn vị khác để thực hiện đầu tư các dự án mà Tập đoàn có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Tập đoàn như: Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Tân Tạo, Công ty cổ phần năng lượng Tân Tạo, Công ty cổ phần phát triển Tân Tạo, Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Nhơn Hội...

12. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh khoản chi phí lãi vay vốn hóa 104.098.218.813 VNĐ. Khoản chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các công trình, cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp Tân Tạo, Khu E.city, Trung Tâm Nhiệt Điện Kiên Lương.

13. Vay và nợ ngắn hạn

VNĐ

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	70.600.000.000	254.236.607.505
Vay dài hạn đến hạn trả	226.519.889.644	261.662.755.835
Cộng	<u>297.119.889.644</u>	<u>515.899.363.340</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
VNĐ				
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	45.500.000.000	Gốc vay được trả trong 2 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 6 tháng	20>21%/năm và được điều chỉnh hàng tháng	Quyền sử dụng đất lô 12, lô 18A, lô 56, lô 14
Ngân hàng TMCP Nam Việt	20.000.000.000	Vay luân chuyển ngắn hạn kỳ hạn 12 tháng	Lãi suất linh hoạt cho từng phần của khế ước (thay đổi từ 20,2%/năm – 20,5%/năm	10.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Đức, QSDĐ số 1842 – 1844, 1850 tại Xã Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An
Ngân hàng TMCP Phương Tây	5.100.000.000	Vay luân chuyển ngắn hạn kỳ hạn 12 tháng	24,62%/năm	Tiền gửi ngắn hạn ngân hàng Phương Tây
TỔNG CỘNG	<u>70.600.000.000</u>			

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chi tiết vay dài hạn đến hạn trả:

VNĐ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng		
Ngân hàng Công thương Việt Nam	35.210.594.376	54.910.594.376
Ngân hàng BIDV CN Kiên Giang	142.856.000.000	142.856.000.000
Ngân hàng NN & PT NT	626.000.000	1.252.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Việt	33.269.335.009	35.400.800.000
Ngân hàng TM CP Phương Tây	4.959.472.831	14.580.000.000
Khác		
Công ty CP ĐT TV TH & XD Phương Nam	9.250.000.000	9.250.000.000
Công ty ĐT Tài Chính Nhà nước Tp.HCM	348.487.428	3.413.361.459
Cộng	<u>226.519.889.644</u>	<u>261.662.755.835</u>

14. Khách hàng trả tiền trước

Đây là khoản tiền mà khách hàng thanh toán trước tiền thuê đất cho Công ty căn cứ trên các hợp đồng thuê đất đã ký. Tuy nhiên tại thời điểm lập báo cáo do một vài thủ tục cấp phép đầu tư chưa hoàn tất nên Công ty chưa đưa vào để hạch toán doanh thu cho thuê trong kỳ.

15. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước

VNĐ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.334.279.392	50.369.388.457
Thuế thu nhập cá nhân	254.640.610	104.883.750
Thuế giá trị gia tăng	462.226.899	447.202.379
Các loại thuế khác	1.461.205.142	1.461.205.142
Tổng cộng	<u>53.512.352.043</u>	<u>52.382.679.728</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng hoạt động như sau:

- Lãi tiền thuê đất. nhà xưởng chậm trả theo hợp đồng	Không chịu thuế
- Cung cấp nước	5%
- Cho thuê đất. nhà xưởng. cung cấp điện. dịch vụ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng và bán nền của khu đô thị E.city theo thực thu. Trong đó doanh thu cho thuê đất và nhà xưởng trong KCN sẽ được phân bổ cho từng năm theo quy định của điểm b điều 3 mục II của Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn Nghị định số 24 qui định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này làm phát sinh chênh lệch giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận kế toán vì vậy công ty điều chỉnh phần thuế TNDN phải nộp theo lợi nhuận kế toán với mức thuế suất phổ thông là 25% và lợi nhuận chịu thuế được xác định theo thông tư 134/2007/TT-BTC vào chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

Là khoản giá vốn trích trước tương ứng với phần doanh thu cho thuê đất, nhà xưởng và bán nền khu Ecity đã được ghi nhận trong kỳ. Tuy nhiên vì một phần cơ sở hạ tầng của KCN và Khu đô thị Ecity chưa hoàn thiện nên chưa hạch toán giảm giá trị hàng tồn kho trong kỳ. Đồng thời là khoản chi phí lãi vay cho nhưng hợp đồng vay mà ngày tính lãi là giữa tháng.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<i>VNĐ</i>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	436.567.750.000	156.200.000
Nhận ủy thác đầu tư	320.000.000.000	438.199.106.640
Phải trả cho bên thứ 3	382.845.467.836	22.190.964.371
Cộng	1.139.413.217.836	460.546.271.011

18. Vay và nợ dài hạn

	<i>VNĐ</i>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	804.251.296.259	878.878.000.000
Vay dài hạn khác	130.000.000.000	57.384.697.459
Cộng	934.251.296.259	936.262.697.459
<i>Trong đó</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả:	226.519.889.644	261.662.755.835
Vay dài hạn:	707.731.406.615	674.599.941.624

Tập đoàn thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ cho việc phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm nhiệt điện Kiên Lương đang triển khai. Số dư các khoản vay ngân hàng dài hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn như sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Vay dài hạn ngân hàng:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VNĐ)	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng công thương SGD II	185.100.000.000	Hoàn trả hàng quý từ 25/6/2010 đến 25/6/2014	LS tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +4,2% và được thay đổi mỗi 6 tháng.	Quyền sử dụng đất tại khu E.city Tân Đức
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.748.000.000	Hoàn trả hàng quý từ ngày 15/6/2011 đến ngày 15/6/2015.	LS tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +3% và được thay đổi mỗi 3 tháng	Quyền sử dụng và tất cả các TS trên lô đất 1845 tại Đức Hòa, Long An
Ngân hàng Phương Tây	131.554.472.831	Hoàn trả hàng quý từ ngày 18/10/2011 đến ngày 18/10/2015	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tuần +5,5% và được thay đổi hàng tháng	15 triệu cổ phần của trường ĐH Tân Tạo và 17.891 m2 đất khu TT TM 4, tại Tân Đức
Ngân hàng TMCP Nam Việt	75.099.000.000	Hoàn trả tiền vay hàng năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo từng hợp đồng đến năm 2015	LS tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +5,2% và được thay đổi mỗi tháng	Quyền sử dụng đất tại KCN Tân Đức
Ngân hàng BIDV CN Gia Định	130.000.000.000	Hoàn trả trong 5 năm	16%/năm	14 triệu cổ phiếu ITA
Ngân hàng BIDV CN Kiên Giang	354.430.000.000	Hoàn trả hàng quý từ ngày 30/11/2010 đến ngày 30/5/2014	LS tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +3% và được thay đổi mỗi 6 tháng	QSD của 41.786 m2 đất KCN Tân Tạo, 247.8 ha đất tại Kiên Lương, KCN Tân Đức và các TS
TỔNG CỘNG	879.931.472.831			
Trong đó:				
Đến hạn trả	216.921.402.216			
Vay dài hạn NH:	663.010.070.615			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Vay dài hạn khác:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	14.000.000.000	60 tháng	Lãi suất tiền gửi ngân hàng nhà nước + 5.8%/năm	Tín chấp
Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước Tp.HCM	40.319.823.428	10 năm	9.3%/năm cho năm 2008, lãi suất trái phiếu Hồ Chí Minh cộng 0.5%/năm cho những năm sau	2.500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức
TỔNG CỘNG	<u>54.319.823.428</u>			
Trong đó:				
Đến hạn trả	9.598.487.428			
Vay dài hạn khác	44.721.336.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	VNĐ						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước							
Số dư đầu năm	3.412.755.650.000	1.883.491.883.51	(7.697.530.000)	1.500.000.000	78.170.000	495.287.983.579	5.785.416.157.090
Cổ phiếu thưởng	12.870.000.000		(317.750.000)			(12.552.250.000)	
Mua lại cổ phiếu quỹ			(5.000.000)				(5.000.000)
Lợi nhuận tăng trong năm						50.187.189.045	50.187.189.045
Phân chia lợi nhuận							
Số dư cuối kỳ	3.425.625.650.000	1.883.491.883.511	(8.020.280.000)	1.500.000.000	78.170.000	532.922.922.624	5.835.598.346.135
Năm nay							
Số dư đầu năm	3.425.625.650.000	1.883.491.883.511	(8.020.280.000)	1.500.000.000	78.170.000	532.922.922.624	5.835.598.346.135
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ			(33.290.000)				(33.290.000)
Lợi nhuận tăng trong năm						4.854.184.741	4.854.184.741
Trả cổ tức cho các cổ đông	1.025.893.150.000	(683.940.550.000)				(341.952.600.000)	
Số dư cuối kỳ	4.451.518.800.000	1.199.551.333.511	(8.053.570.000)	1.500.000.000	78.170.000	195.824.507.365	5.840.419.240.876

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>		
Số đầu năm	3.425.625.650.000	3.412.755.650.000
Tăng trong kỳ	1.025.893.150.000	12.870.000.000
Số cuối năm	4.451.518.800.000	3.425.625.650.000

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	445.151.880	342.562.565
<i>Cổ phiếu thường</i>	445.151.880	342.562.565
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(579.998)	(576.669)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	444.571.882	341.985.896
Số lượng cổ phiếu chưa phát hành	54.848.120	157.437.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

VNĐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	19.066.286.227	187.484.454.995
Các khoản giảm trừ doanh thu:		25.103.321.426
<i>Hàng bán bị trả lại</i>		25.103.321.426
Doanh thu thuần	<u>19.066.286.227</u>	<u>162.381.133.569</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần cho thuê đất KCN, bán nền khu đô thị	5.268.745.575	138.454.587.200
- Doanh thu thuần cho thuê nhà xưởng		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ khác	13.797.540.652	23.926.546.369

2. Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	124.308.781	67.291.632
Lãi từ khoản phải thu tiền cho thuê đất, nhà xưởng chậm trả theo hợp đồng	1.178.987.229	2.248.639.590
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.483.552.000	998.663.000
Hoàn nhập dự phòng		
Lãi đầu tư cổ phiếu		
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	<u>31.786.848.010</u>	<u>3.314.594.222</u>

3. Chi phí tài chính

VNĐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.652.685.568	4.084.437.781
Lỗ các khoản đầu tư		
Dự phòng giảm giá đầu tư		
Chi phí tài chính khác		874.285.046
Cộng	<u>4.652.685.568</u>	<u>4.958.722.827</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

V. CÁC THÔNG TIN KHÁC.**1. Giao dịch với các bên liên quan.**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có giao dịch phát sinh với bên liên quan như sau:

VNĐ

Tên Công ty	Mối liên hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Phát Triển Năng Lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức	30.000.000.000
Công ty CP Bầu Trời Tân Tạo Mê Kông	Công ty con	Góp vốn	3.000.000
Công ty CP Đầu Tư KD Đô Thị Tân Tạo Mê Kông	Công ty con	Góp vốn	3.000.000
Công ty CP Tân Tạo 276	Công ty con	Góp vốn	160.000.000

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 công nợ với bên liên quan như sau:

VNĐ

Tên Công ty	Mối liên hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Công nợ phải thu			
Công ty CP Phát Triển Năng Lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Tiền thuê đất TT Nhiệt điện Kiên Lương	961.554.545.456
Công ty CP KT & PT Kho vận Tân Tạo	Công ty con	Thuê kho ngoại quan	7.227.546.040
Công ty CP Đầu Tư Tân Đức	Công ty con	Thuê mua xưởng	14.668.684.318
Công ty TNHH KT KD VP & NX Tân Tạo	Công ty con	Tạm ứng kinh phí	62.696.998.568
Công ty CP PT NL Tân Tạo	Bên liên quan	Tạm ứng kinh phí	386.685.846
Công ty CP PT Đô Thị Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức được chia	30.000.000.000
Công ty CP PT Hạ Tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Tạm ứng kinh phí	3.265.000.000
		Tạm ứng kinh phí	4.551.050.000
		Tạm ứng kinh phí	1.728.400.000
Công nợ phải trả			
Công ty CP Đại Học Tân Tạo	Bên liên quan	Tiền vay ứng kinh phí	436.567.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

		Vốn điều lệ		Vốn điều lệ đã góp	Số còn phải góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
		Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
		VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo	Công ty con	90.000.000.000	90.00	5.110.371.461	84.889.628.539
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276	Công ty con	255.000.000.000	51.00	105.029.000.000	149.971.000.000
Công ty Cổ phần bầu trời Tân Tạo Mê Kông	Công ty con	70.803.300.000	51.00	5.472.000.000	65.331.300.000
Công ty CP ĐT KD Đô Thị Tân Tạo Mê Kông	Công ty con	61.670.000.000	51.00	9.000.000	61.661.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	200.000.000.000	40.00	138.252.000.000	61.748.000.000
TỔNG CỘNG		677.473.300.000		256.807.371.461	423.600.928.539

Phần vốn điều lệ chưa góp trong các công ty con và công ty liên kết được dự kiến góp vốn dưới hình thức là bằng tiền theo tiến độ hoạt động là 138.665.928.539 VNĐ và bằng quyền sử dụng đất trị giá 285.000.000.000 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	30.94	29.65
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	69.06	70.35
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30.12	25.84
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69.88	74.16
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3.32	3.87
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.53	1.88
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.01	0.05
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	25.46	54.70
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	25.46	41.02
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0.06	0.31
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0.06	0.23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu			
	%	0.08	0.31



THÁI VĂN MẾN
Tổng Giám đốc